

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179/2026/HS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Ngẫu

Bà Phạm Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 122/2026/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn A và bà Lê Thị L; có chồng (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo là ông Phạm Văn T, luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17-4-2024, Nguyễn Thị Ngọc H đến Công ty trách nhiệm hữu hạn M (sau đây gọi tắt là Công ty M), địa chỉ ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) do anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1989 là Giám đốc đề xin làm nhân viên giao hàng. Khi đến công ty M, H gặp anh L1 để trực tiếp phỏng vấn xin việc làm. Qua trao đổi, H nói từng làm nhân viên giao hàng nhanh của Công ty TNHH B tại xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là phường G, tỉnh Tây Ninh) nên biết cách thức và phương thức giao hàng. Sau đó, anh L1 kiểm tra thông tin của Hân trên hệ thống của Công ty TNHH B, thấy không có vấn đề gì nên đồng ý tuyển dụng H làm nhân viên thử việc. Đồng thời, anh L1 yêu cầu H nộp hồ sơ xin việc cùng 5.000.000 đồng tiền thế chân. Tuy nhiên, H xin nộp hồ sơ sau và không nộp tiền thế chân vì hoàn cảnh khó khăn. Do đang thiếu nhân viên giao hàng nên anh L1 đồng ý cho H làm nhân viên thử việc bắt đầu từ ngày 18-9-2024, phụ trách giao hàng tại khu vực các ấp 1, 3, 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh và được hưởng chế độ 6.000 đồng/01 đơn hàng giao thành công. Theo đó, H được cấp mã và tài khoản nhân viên là 101603 (mã vùng tỉnh Tây Ninh)-050 (là số thứ tự của H), được tải ứng dụng giao hàng của Công ty B (vận hành bưu cục là Công ty M), tên miền “NGOC HÂN” cài đặt trên điện thoại di động của H để thực hiện việc giao hàng.

Công ty M quản lý đơn hàng của H thông qua ứng dụng, cụ thể: trong khoảng thời gian từ 07 giờ đến 07 giờ 30 phút hàng ngày, H có trách nhiệm đến Công ty M soạn hàng được phân công đi giao theo khu vực của mình. Sau đó, dùng điện thoại thông minh của cá nhân đã được cài ứng dụng giao hàng của Công ty M quét mã QR trên từng đơn hàng thì sẽ hiện trên ứng dụng điện thoại và máy chủ do anh L1 quản lý. Khi đi giao hàng, H sẽ chụp đơn hàng lại gửi lên ứng dụng và ký xác nhận trên ứng dụng đối với đơn hàng giao thành công hoặc không thành công. Bắt buộc đến 17 giờ hàng ngày, H phải đem tiền và hàng về giao cho Công ty M mà cụ thể là giao cho anh L1. Nếu đơn hàng đã giao thì H đưa tiền, anh L1 xác nhận trên hệ thống thành công (bấm phiếu thu thành công), đối với đơn hàng không thành công thì anh L1 dùng súng điện quét mã QR nhập kho ngày hôm sau giao lại. Không có trường hợp nào nhân viên giao hàng được tự ý giữ hàng riêng của Công ty M khi giao không thành công.

Từ ngày 18 đến 22-9-2024, H nhận và giao được 220 đơn hàng với số tiền 30.257.791 đồng về tất toán đầy đủ cho Công ty M. Sáng ngày 23-9-2024, H đến Công ty M nhận 140 đơn hàng các loại có tổng giá trị 29.525.014 đồng để đi giao cho khách. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H giao hàng được số tiền 8.000.000 đồng. Lúc này, chủ nợ mà H thiếu tiền do lúc trước vay qua tờ rơi gặp đòi nợ nên H sử dụng số tiền 8.000.000 đồng để trả. Đến 17 giờ cùng ngày, H giao thêm được 9.899.604 đồng cho khách, Hân kiểm tra trên ứng dụng thấy tổng số đơn hàng giao được là 79 đơn với tổng số tiền 17.899.604 đồng (số tiền này có xác thực trên hệ thống giao nhận thành công), còn lại khoảng 61 đơn hàng có giá trị 11.625.410 đồng chưa giao cho khách. Do không vay mượn được số tiền 8.000.000 đồng để bù vào số tiền đã sử dụng trả nợ nên H tiếp tục chiếm đoạt luôn số tiền còn lại là 9.899.604 đồng, còn số đơn hàng chưa giao được H mang đi bán lấy tiền sử dụng

vào mục đích cá nhân rồi bỏ trốn ở nhiều nơi. Đến ngày 26-6-2025, H bị phát hiện, mời làm việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 353; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/4/2026, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan đối với các bị cáo.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết nào mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 23 tháng 14 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H xác định án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 353 Bộ luật Hình sự là không oan đối với bị cáo. Luật sư chỉ nêu những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã hoàn trả tiền chiếm đoạt lại cho Công ty M; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, ly hôn từ năm 2023, phải nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 người con bị khuyết tật nhẹ. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; chưa

tiền án, tiền sự nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo và mang tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, có điều kiện chăm sóc 02 con.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, ngày 29/4/2026, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo là trong thời hạn pháp luật quy định; yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Điều 330 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Nguyễn Thị Ngọc H là người được Công ty M tuyển dụng, cấp mã và tài khoản nhân viên là 101603 (mã vùng tỉnh Tây Ninh)-050 (là số thứ tự của H), tải ứng dụng giao hàng của Công ty B (vận hành bưu cục là Công ty M), tên miền “NGOC HAN” cài đặt trên điện thoại di động để thực hiện việc giao hàng cho công ty trên địa bàn khu vực ấp A, 3 và ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Theo đó, hàng ngày H nhận tiền từ khách hàng và nộp về cho công ty, nếu không giao được hàng thì phải trả về kho. Vào ngày 23-9-2024, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, H đã chiếm đoạt 140 đơn hàng các loại có tổng giá trị 29.525.014 đồng của Công ty M, rồi bỏ trốn.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản do bị cáo được nhiệm vụ quản lý trong phạm vi chức trách được giao, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty M. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Số tiền bị cáo H chiếm đoạt là trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 100.000.000 đồng nên hành vi đó của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, không oan đối với bị cáo.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại cho Công ty M, được Công ty M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[5.1] Về yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo kháng cáo bổ sung đang nuôi con nhỏ sinh năm 2013, bị khuyết tật mức độ nhẹ theo biên bản giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh T. Hiện bị cáo và chồng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành năm 2023, bị cáo phải nuôi 02 con nhỏ, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo H 01 năm tù là dưới mức khung hình phạt được áp dụng của khoản 1, Điều 353 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[5.2] Về yêu cầu xin hưởng án treo: Xét thấy, sau khi chiếm đoạt tiền của Công ty M thì bị cáo H lại bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G phải ra quyết định truy tìm theo Quyết định truy tìm người số 2462/QĐ-TT ngày 25/11/2024, đến ngày 27/06/2025 mới ban hành quyết định đình tìm (Bút lục số 05 và 06). Việc bỏ trốn của bị cáo gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phát biểu tại phiên toà. Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh về phần hình phạt đối với bị cáo H.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính được tính kể từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Khánh